TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 104/2022/QĐST- HNGĐ	*TP. Thanh Hóa, ngày 01 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 136/2022/ TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: T, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: T, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh T và chị H thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Thị H.

[2].Về nuôi con: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Xuân M, sinh ngày 06/8/2004 và Nguyễn Ngọc M2, sinh ngày 21/10/2006. Anh chị thỏa thuận giao cháu M và cháu M2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 3.000.000đ/tháng (cả 2 cháu là 6.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2022 cho đến khi cháu M và cháu M2 thành niên. Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung và công nợ: Anh T và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị H mỗi người chịu 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Xuân M, sinh ngày 06/8/2004 và Nguyễn Ngọc M2, sinh ngày 21/10/2006. Giao cháu M và cháu M2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 3.000.000đ/tháng (cả 2 cháu là 6.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2022 cho đến khi cháu M và cháu M2 thành niên. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T chịu 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001655 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh T được nhận lại 150.000đ. Chị H chịu 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Nga